

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2010 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	242.227.130.859	103.209.471.769	383.967.679.398	181.120.585.255
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		242.227.130.859	103.209.471.769	383.967.679.398	181.120.585.255
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	195.662.941.367	77.717.436.872	299.946.346.502	135.827.851.345
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.564.189.492	25.492.034.897	84.021.332.896	45.292.733.910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	677.099.865	515.953.992	1.978.226.999	1.422.642.355
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	570.722.248	217.149.305	1.161.858.591	505.039.335
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		569.246.311	217.149.305	1.157.156.052	482.289.925
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	302.578.331	414.530.630	599.048.136	647.645.267
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.760.903.184	3.622.765.847	12.487.348.308	6.478.563.802
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.607.085.594	21.753.543.107	71.751.304.860	39.084.127.861
11. Thu nhập khác	31	VI.7	444.922.844	109.491.308	781.476.852	111.541.993
12. Chi phí khác	32	VI.8	793.495.383	182.600.795	813.145.080	187.200.795
13. Lợi nhuận khác	40		(348.572.539)	(73.109.487)	(31.668.228)	(75.658.802)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		166.853.568	-	166.853.568	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.425.366.623	21.680.433.620	71.886.490.200	39.008.469.059
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		10.074.056.333	5.703.419.108	17.985.025.810	9.946.922.600
16. Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	52		-	(1.722.053.468)		(2.932.345.758)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-	245.973.314	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.351.310.290	17.699.067.980	53.655.491.076	31.993.892.217
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.493.382.626	736.320.773	3.837.508.865	1.217.309.207
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		26.857.927.664	16.962.747.207	49.817.982.211	30.776.583.011
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.580	998	2.930	1.810

Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Trường



Lập ngày 18 tháng 08 năm 2010

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn